

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2020/DS-PT
Ngày: 02/12/2020
V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt hại
ngoài hợp đồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Duy Thuận, bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hồng Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 197/2020/TLPT-DS ngày 15 tháng 10 năm 2020, về việc “*Tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DSST ngày 24 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 236/2020/QĐ-PT ngày 19 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Tất H, sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Lắc (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đình Q

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, thị xã E, tỉnh Đắc Lắc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn L

Địa chỉ: 40 F, phường G, thành phố H, tỉnh Đắc Lắc (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn K

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, thị xã E, tỉnh Đắc Lắc (vắng mặt).

3.2 Ông Nguyễn L

Địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

* Người kháng cáo: Bị đơn ông Hoàng Đình Q

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Nguyên đơn anh Nguyễn Tất H trình bày:** Vào ngày 01/6/2016, anh và ông Hoàng Đình Q có ký kết một hợp đồng thuê nhà, trong đó nội dung hợp đồng và giá cả cho thuê được hai bên thỏa thuận ghi trong văn bản hợp đồng kể cả phần ghi chú trong văn bản hợp đồng. Sau khi hợp đồng đã ký, bên thuê và bên cho thuê đã và đang thực hiện đầy đủ các quy định ghi trong hợp đồng. Vì lý do công việc phải đi vắng nên ngày 01/6/2018, anh nhờ cha anh là ông Nguyễn L mang 700.000 đồng (bảy trăm ngàn đồng) đến nhà ông Hoàng Đình Q để trả, hôm đó ông Q không có ở nhà nên ông L đã gửi tiền cho bà Nguyễn Thị M trả hộ. Khi bà M mang tiền đến trả thì ông Q không nhận. Sau đó ông Hoàng Đình Q đến nhà anh yêu cầu anh phải dọn đồ đạc trong nhà đi và trả nhà cho ông Q. Lúc bấy giờ anh có trả lời ông Q rằng hợp đồng đã ký, đã có hiệu lực, thời hạn còn dài, nếu ông Q muốn thanh lý hợp đồng thì hai bên phải ngồi lại bàn bạc thì ông Hoàng Đình Q lại bỏ về. Ông Hoàng Đình Q có đơn khiếu kiện anh đến công an xã Đ. Ngày 25/10/2018, anh và ông Q được công an xã Đ mời đến để giải quyết nhưng không thành. Ngày 28/10/2018, ông Hoàng Đình Q phá khóa nhà và đã đem toàn bộ đồ đạc của anh ra ngoài trời vứt bỏ.

Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Q phải bồi thường số tiền 47.700.000 đồng là tiền thiệt hại các vật dụng để kinh doanh nhưng ông Q vứt bỏ ra ngoài làm hư hỏng không sử dụng được, trong đó bao gồm số tài sản mua mới là 29.700.000 đồng, còn lại 18.000.000 đồng là do anh mua đồ cũ vào tháng 8/2016. Hiện nay số tài sản không còn nên không thể cung cấp được số lượng, chủng loại, nhãn hàng, thời hạn sử dụng để tiến hành xem xét thẩm định, định giá.

***Bị đơn ông Hoàng Đình Q và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn L trình bày:** Vào ngày 01/6/2016 anh Nguyễn Tất H thuê nhà của ông Q để ở và kinh doanh nhưng hoạt động chỉ được 02 tháng, sau đó anh H cho ông S thuê lại mà không có sự đồng ý của ông Q. Ông S hoạt động kinh doanh không có hiệu quả nên ông S đóng cửa hàng bỏ đi, nhà đóng cửa. Đến khoảng tháng 11/2017 gia đình ông H đến tháo dỡ bồn nước đem về, từ đó nhà bỏ không bị mối xông làm hư hỏng phần gỗ, ông H tháo dỡ lấy bồn nước đâm đập thùng mái tôn nhà của ông Q. Hơn nữa từ tháng 6/2018 đến tháng 11/2018 anh H không trả tiền thuê nhà cho ông Q nên xác định anh H vi phạm Hợp đồng thuê nhà do thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng thuê nhà và mặt bằng. Thực tế tính từ ngày 01/6/2016 đến 14/10/2018 là 28 tháng 14 ngày ông Q chỉ nhận tiền thuê nhà là 14 tháng x 700.000đ = 9.800.000 đồng. Ông Q đã nhiều lần thông báo yêu cầu anh H trả lại nhà nhưng anh H không thực hiện. Ngày 25/10/2018 ông Q làm đơn báo với công an xã Đ và công an đã mời ông Q với anh H lên làm việc, ông Q xác định anh H vi phạm Hợp đồng thuê nhà nên ông Q đơn phương chấm dứt hợp đồng. Ông Q yêu cầu anh H trong vòng 3 ngày phải dọn đồ về để trả nhà cho ông Q nhưng anh H không thực hiện. Ngày 28/10/2018 ông Q báo với ban tự quản thôn, công an thôn D, xã Đ dọn đồ anh H ra ngoài đồng thời báo cho anh H tới nhận đồ nhưng anh H không tới

nhận.

Do đó, ông Q không chịu trách nhiệm trước tài sản của anh H, nên ông không đồng ý với yêu cầu của anh H. Hiện nay bị đơn không biết số tài sản của anh H đã mua ở đâu nên không thể cung cấp được chứng cứ để chứng minh nguồn gốc, chủng loại, tem nhãn, giá trị tài sản mà anh H đã mua nên không thể cung cấp cho Tòa án để tiến hành thẩm định, định giá tài sản được. Nay bị đơn đồng ý hỗ trợ cho anh H số tiền là 10.000.000 đồng. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn K trình bày:** Anh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của thửa đất có diện tích 280m² (7 m x 40 m) của ông Hoàng Đình Q vào tháng 11/2018 với giá tiền chuyển nhượng là 700.000.000 đồng. Hai bên đã thực hiện việc chuyển nhượng theo đúng quy định của pháp luật và hiện thửa đất đang mang tên anh. Đối với tranh chấp giữa anh Nguyễn Tất H và ông Hoàng Đình Q thì anh không biết và không có liên quan gì.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn L trình bày:** Tiền thuê nhà hàng tháng bản thân ông trực tiếp đóng đầy đủ cho ông Q, thời gian đóng là 16 tháng. Tổng số tiền đóng là 11.200.000 đồng. Ngày 06/7/2018 ông đến nhà ông Q đóng tiền nhưng ông Q không mở cổng nên ông gửi cho bà M bên cạnh nhà để gửi cho ông Q nhưng ông Q không nhận nên bà M đã trả lại tiền cho ông. Nguyên nhân vi phạm hợp đồng là do ông Q bán nhà cho người khác.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 42/2020/DSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 144; 147; 205; 207; 208; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào các điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tất H. Buộc ông Hoàng Đình Q phải bồi thường cho anh Nguyễn Tất H số tiền là 23.850.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Tất H đối với số tiền 23.850.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án và thỏa thuận thi hành án cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2020, bị đơn ông Hoàng Đình Q kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Cụ thể: Ông Q có trách nhiệm bồi thường cho ông H số tiền 15.000.000 đồng là tiền bồi thường cho các tài sản mà ông H bị thiệt hại.

Quá trình tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk nhận định:

Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về tiền bồi thường, cụ thể ông Q có trách nhiệm bồi thường cho anh H số tiền 15.000.000 đồng là tiền bồi thường cho các tài sản mà anh H bị thiệt hại. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm – Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đình Q, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông Hoàng Đình Q kháng cáo cho rằng khi xảy ra sự việc ông đến lấy lại nhà không cho anh H thuê nhà nữa ông đã thông báo cho anh H đến dọn đồ đạc về. Nhưng do phía anh H không chấp hành nên ông Q không có trách nhiệm phải bảo quản các vật dụng mà anh H bỏ đi, ông không có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn.

Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn L đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xét thấy hành vi của ông Q chuyển đồ đạc, dụng cụ của anh H ra ngoài trời gây hư hỏng, mất mát tài sản cũng do một phần lỗi của ông Q. Do đó, ông Q chấp nhận bồi thường thiệt hại một phần cho anh H đối với các tài sản đã bị hư hỏng, mất mát.

Về mức bồi thường tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau ông Q có trách nhiệm bồi thường cho anh H số tiền 15.000.000 đồng. Việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để sửa bản án sơ thẩm – Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[2] Về án phí:

[2.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, nên cần sửa phần án phí dân sự sơ thẩm theo như nội dung thỏa thuận.

[2.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đình Q phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Đình Q – Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2020/DSST ngày 24/8/2020 của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk – Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

- Căn cứ vào khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và các điều 144; 147; 205; 207; 208; 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 584; 585; 586; 589 Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tất H

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Ông Hoàng Đình Q có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Tất H số tiền 15.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí: Áp dụng Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Hoàng Đình Q phải chịu 750.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn anh Nguyễn Tất H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Đình Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0015544 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật

thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND CC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thị xã Buôn Hồ;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Hằng